

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/3/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hải;

Bà Lê Thị Thùy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 570/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 11, ấp BT, xã AB, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Bị đơn: Ông Ngu M, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 11, ấp BT, xã AB, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Ngu M chung sống với nhau từ năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã AB, huyện TU (nay là huyện PG), tỉnh Bình Dương, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian 01 năm đầu, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông M thường xuyên uống rượu sau đó về chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm và thường xuyên đánh đập bà V. Vợ chồng bà không còn tôn trọng nhau, mặc dù vẫn còn sống cùng nhà nhưng tự ai nấy lo, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông Ngu M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông M có 01 con chung là Nguu Thị Ngọc G, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguu M trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn ông thống nhất với lời trình bày của bà T. Ông nhận thấy những mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng nhưng do ông còn rất thương yêu bà T, ông mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là Nguu Thị Ngọc G, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PG tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguu M; về con chung Nguu Thị Ngọc G, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp BT, xã AB, huyện PG, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện PG giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguu M có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguu M là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tình hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AB, huyện PG, tỉnh Bình Dương vào ngày 01/7/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn thường xuyên uống rượu sau đó về chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm và thường xuyên đánh đập bà Vợ chồng không còn tôn trọng

nhau, tuy vẫn còn sống cùng nhà nhưng tự ai nấy lo, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 17/01/2019, đại diện chính quyền địa phương xã AB, huyện PG, tỉnh Bình Dương cho biết gia đình bà T, ông M thường xuyên phớt lờ sinh mệnh thuần, nguyên nhân là do ông M ghen tuông vì cho rằng bà T có quan hệ với người khác, ông M thường xuyên có hành vi dùng bạo lực với bà T, tuy bà T và ông M vẫn còn sống chung nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi lần có hành vi gây gổ, đánh nhau thì bà T có báo chính quyền địa phương can thiệp.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguru M đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà Tuy ông M không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hiện tại, nguyên đơn và bị đơn không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định bà Nguyễn Thị T và ông Nguru M có 01 con chung tên Nguru Thị Ngọc G, sinh năm 2000 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguru M về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguru M.

2. Về con chung: Con chung Nguu Thị Ngọc G, sinh năm 2000 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biện lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án AA/2016/0025969 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PG, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện PG;
- Chi cục THADS huyện PG;
- UBND xã An Bình, huyện PG, tỉnh Bình Dương (Số 49, quyền số 1999);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa